**Phụ lục II.**

**(***Ban hành kèm theo Thông tư số /TT- BNNPTNT ngày tháng  năm 2021*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

|  |  |
| --- | --- |
| (TÊN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *………., ngày … tháng … năm .....* |

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH**

 **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM**

**CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Ngày thẩm định:**

**2. Tên cơ sở thẩm định**:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

- Người đại diện của cơ sở: ….. Chức vụ:

- Mã số cơ sở (nếu có):

**3. Địa điểm thẩm định:**

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

**4. Thành phần Đoàn thẩm định:**  Chức vụ:

**5. Đối tượng nuôi:** ……......; diện tích nuôi: .............; Hình thức nuôi: ..............

**II. NHÓM CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ:**

| **Nhóm chỉ****tiêu** | **Ðiều khoản****tham chiếu** | **Nhóm chỉ tiêu đánh giá** | **Kết quả đánh giá** | **Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ðạt (Ac)** | **Nhẹ (Mi)** | **Nặng (Ma)** | **Nghiêm trọng (Se)** |
| **1** | **Luật ATTP:**Điều 19, Khoản 1, Điểm a;Điều 23, Khoản 1, Điểm a; | Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản | [    ] | [    ] | [    ] | [    ] |  |
| **2** | **Luật ATTP:**Điều 19, Khoản 1, Điểm b; | Nước cấp | [    ] | [    ] | [    ] |  |  |
| **3** | **Luật ATTP:**Điều 23, Khoản 1, Điểm b; | Con giống | [    ] | [    ] | [    ] | [    ] |  |
| **4** | **Luật ATTP:**Điều 23, Khoản 1, Điểm b; | Thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản | [    ] | [    ] | [    ] | [    ] |  |
| **5** | **Luật ATTP:**Điều 23, Khoản 1, Điểm b; | Thuốc thú y thủy sản  | [    ] | [    ] | [    ] | [    ] |  |
| **6** | **Luật ATTP:**Điều 19, Khoản 1, Điểm d;Điều 23, Khoản 1, Điểm d; | Xử lý chất thải | [    ] | [    ] | [    ] |  |  |
| **7** | **Luật ATTP:**Điều 19, Khoản 1, Điểm e. | Người trực tiếp sản xuất | [    ] | [    ] |  |  |  |
| **8** | **Luật ATTP:**Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm đ; Điều 23, Khoản 1, Điểm e. | Ghi chép, truy xuất nguồn gốc | [    ] | [    ] | [    ] |  |  |
| Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: /8 nhóm chỉ tiêu |  |  |  |  | **Xếp loại:** |

(*Ngoài các quy định trong Luật An toàn thực phẩm cần tham chiếu các quy định hiện hành để kiểm tra, đánh giá).*

**III. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**IV. LẤY MẪU (nếu có) VÀ CHỈ ĐỊNH CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH *(kèm theo Biên bản lấy mẫu)*:**

**1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...)**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**V. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:**

**1. Nhận xét của đoàn thẩm định:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**2. Đề xuất xếp loại cơ sở:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày tháng năm .....***ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH***(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu-nếu có)* | *……, ngày tháng năm .....***TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH, XẾP LOẠI**

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM**

 **CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

**I. HƯỚNG DẪN XẾP LOẠI**

**1. Định nghĩa mức lỗi**

**- *Lỗi nghiêm trọng (Se):*** Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, gây mất ATTP, ảnh hưởng tới sức khoẻ người tiêu dùng.

*-*  ***Lỗi nặng (Ma):*** Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây mất an toàn thực phẩm nhưng chưa tới mức nghiêm trọng.

*-*  ***Lỗi nhẹ (Mi):*** Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát ATTP nhưng chưa đến mức nặng.

**2. Bảng xếp loại:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức lỗi****Xếp loại** | **Nhẹ (Mi)** | **Nặng (Ma)** | **Nghiêm trọng (Se)** |
| Loại A | ≤ 4 | 0 | 0 |
| 0 | 0 | 0 |
| Loại B | > 4 | 0 | 0 |
| Mi + Ma ≤ 5 và Ma ≤ 2 | 0 |
| Loại C | Mi + Ma > 5 và Ma > 2 | 0 |
| - | ≥ 4 | 0 |
| - | -  | ≥ 1 |

*Ghi chú: ( - ) Không tính đến*

**3. Diễn giải:**

**3.1. Cơ sở đủ điều kiện: Khi cơ sở xếp loại A hoặc B**

**3.1.1. Cơ sở được xếp loại A khi đạt điều kiện sau:**

- Tất cả các chỉ tiêu đều đạt; hoặc

- Các chỉ tiêu không có lỗi nặng, lỗi nghiêm trọng và tổng số sai lỗi nhẹ không quá 04 chỉ tiêu.

**3.1.2. Cơ sở xếp loại B khi thỏa mãn điều kiện sau:**

Không có lỗi nghiêm trọng và một trong hai trường hợp sau:

- Không có lỗi nặng, số lỗi nhẹ lớn hơn 04 chỉ tiêu; hoặc

- Số lỗi nặng không quá 02 chỉ tiêu và tổng số lỗi nhẹ + lỗi nặng không quá 05 chỉ tiêu.

**3.2. Cơ sở xếp chưa đủ điều kiện: Khi cơ sở xếp loại C**

Cơ sở xếp loại C khi bị một trong các điều kiện sau:

- Có lỗi nghiêm trọng; hoặc

- Có số lỗi nặng ≥ 04 chỉ tiêu; hoặc

- Có số lỗi nặng lớn hơn 02 chỉ tiêu và tổng số lỗi nhẹ + nặng lớn hơn 05 chỉ tiêu.

**II. HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH**

**A. Ghi biên bản thẩm định:**

* Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.
* Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.
* Nếu sửa chữa trên biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

**B. Nguyên tắc đánh giá:**

* Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong mỗi nhóm chỉ tiêu.
* Với mỗi chỉ tiêu, chỉ xác định mức sai lỗi tại các cột có ký hiệu [ ], không được xác định mức sai lỗi vào cột không có ký hiệu [ ].
* Dùng ký hiệu X hoặc đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi nhóm chỉ tiêu.
* Kết quả đánh giá tổng hợp chung của một nhóm chỉ tiêu là mức đánh giá cao nhất của chỉ tiêu trong nhóm, thống nhất ghi như sau: Ac (Đạt), Mi (Lỗi nhẹ), Ma (Lỗi nặng), Se (Lỗi nghiêm trọng).

- Phải diễn giải chi tiết sai lỗi đã được xác định cho mỗi nhóm chỉ tiêu và thời hạn cơ sở phải khắc phục sai lỗi đó. Đối với nhóm chỉ tiêu không đánh giá cần ghi rõ lý do trong cột ‘Diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục”.

**C. Hướng dẫn đánh giá đối với từng chỉ tiêu:**

**1. Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản**

- Đạt: Không bị ảnh hưởng bởi tác nhân gây ô nhiễm từ khu vực chứa, xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt và các ngành kinh tế khác.

- Lỗi nhẹ: Gần khu dân cư nhưng không bị ảnh hưởng bởi tác nhân gây ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt.

- Lỗi nặng: Gần khu công nghiệp, có thể bị ảnh hưởng bởi tác nhân gây ô nhiễm từ nguồn xả thải của khu công nghiệp.

- Lỗi nghiêm trọng: Gần khu vực chứa, xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt và các ngành kinh tế khác, bị ảnh hưởng bởi tác nhân gây ô nhiễm của khu vực này.

**2. Nước cấp**

- Đạt: Nguồn nước không bị ảnh hưởng bởi các nguồn xả thải của khu dân cư/bệnh viện/khu công nghiệp/nguồn xả thải khác.

- Lỗi nhẹ: Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi các nguồn xả thải của khu dân cư/bệnh viện/khu công nghiệp/nguồn xả thải khác nhưng không gây mất an toàn đối với thủy sản nuôi.

Lỗi nặng: Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nguồn xả thải của khu dân cư/bệnh viện/khu công nghiệp /nguồn xả thải khác gây mất an toàn đối với thủy sản nuôi.

**3. Con giống**

- Đạt: Có nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất tại cơ sở có Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng đủ điều kiện theo quy định; có giấy kiểm dịch theo quy định; loài thủy sản nuôi là loài được phép kinh doanh tại Việt Nam.

- Lỗi nhẹ: Có nguồn gốc không rõ ràng.

- Lỗi nặng: Sản xuất tại cơ sở chưa có Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng đủ điều kiện theo quy định hoặc không có giấy kiểm dịch theo quy định hoặc giống có nguồn gốc không rõ ràng.

- Lỗi nghiêm trọng: Loài thủy sản nuôi là loài chưa được phép kinh doanh tại Việt Nam.

**4. Thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

- Đạt: Được sản xuất tại cơ sở sản xuất có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo quy định; đã công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy theo quy định; còn hạn sử dụng; không chứa chất bị cấm sử dụng theo quy định. Bảo quản, sử dụng theo hướng dẫn của nhà cung cấp, nhà sản xuất.

- Lỗi nhẹ: Bảo quản, sử dụng không theo hướng dẫn của nhà cung cấp, nhà sản xuất.

- Lỗi nặng: Sử dụng thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn dùng hoặc chưa công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy theo quy định.

- Lỗi nghiêm trọng: Sản xuất tại cơ sở sản xuất chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo quy định hoặc có chứa chất cấm sử dụng theo quy định.

**5. Thuốc thú y thủy sản (gọi tắt là thuốc)**

- Đạt: Bảo quản, sử dụng thuốc thú y thủy sản theo hướng dẫn của nhà cung cấp, sản xuất, đơn thuốc của cá nhân hành nghề, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y thủy sản; không sử dụng nguyên liệu thuốc để phòng bệnh, chữa bệnh; không sử dụng thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc cấm sử dụng, hết hạn sử dụng, chưa được phép lưu hành tại Việt Nam; Tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Lỗi nhẹ: Bảo quản không theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Lỗi nặng: Sử dụng thuốc không theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đơn thuốc của cá nhân hành nghề, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y thủy sản.

- Lỗi nghiêm trọng: Sử dụng nguyên liệu thuốc thú y thủy sản để phòng bệnh, chữa bệnh/sử dụng thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ/thuốc cấm sử dụng/hết hạn sử dụng/không tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất/thuốc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam.

**6. Thu gom, xử lý chất thải**

- Đạt: Hằng ngày phải thu gom, xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến môi trường, thủy sản nuôi.

- Lỗi nhẹ: Hằng ngày có thu gom, xử lý chất thải nhưng chưa đảm bảo vệ sinh, sạch sẽ khu vực nuôi.

- Lỗi nặng: Không thu gom, xử lý chất thải hằng ngày hoặc khu vực chứa, xử lý chất thải không phù hợp, gây ảnh hưởng đến môi trường, thủy sản nuôi.

**7. Người trực tiếp sản xuất**

- Đạt: Người trực tiếp sản xuất bảo đảm sức khỏe để sản xuất (có giấy khám sức khỏe hàng năm), được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

- Lỗi nhẹ: Công nhân không có giấy khám sức khỏe hoặc được trang bị bảo hộ lao động nhưng không đầy đủ hoặc cả hai trường hợp.

**8. Ghi chép, truy xuất nguồn gốc**

- Đạt: Ghi chép hoạt động sản xuất từ khâu chuẩn bị ao nuôi, thả giống đến quản lý ao, thủy sản nuôi, sử dụng thức ăn, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Lỗi nhẹ: Có ghi chép nhưng không đầy đủ thông tin.

- Lỗi nặng: Không có nhật ký hoặc không ghi chép việc sử dụng thuốc thú y thủy sản để phòng, trị bệnh cho thủy sản nuôi.